TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
ISSN: 2354 - 1431
http://tckh.daihoctantrao.edu.vn/

Lý Bí và cuộc khởi nghĩa năm 542

Trần Thị Thái Hà[a*]

[a]*Trường Đại học Sài Gòn*

[*]*Email: hatranxbgd.72@gmail.com*

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:
20/2/2019
Ngày duyệt đăng:
10/3/2019

Từ khoá:
Lý Bí; Lý Nam Đế; chống Bắc thuộc; nước Vạn Xuân.

Tóm tắt

Cuộc khởi nghĩa do Lý Bí lãnh đạo là một dấu mốc quan trọng trong phong trào đấu tranh của nhân dân ta thời Bắc thuộc. Khởi nghĩa thắng lợi và nhà nước Vạn Xuân được thành lập có ý nghĩa đặc biệt trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Bài viết điểm lại bối cảnh lịch sử mà cuộc khởi nghĩa diễn ra, đồng thời từ những nguồn sử liệu đáng tin cậy phục dựng bức tranh toàn cảnh diễn biến của cuộc khởi nghĩa. Trên cơ sở đó, tác giả bài viết đưa ra kiến giải và phân tích những nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa cũng như đánh giá vị trí của cuộc khởi nghĩa và nhà nước Vạn Xuân trong lịch sử Việt Nam.

1. Mở đầu

Năm 179 TCN, Triệu Đà sau khi chinh phục nước Âu Lạc, lật đổ triều An Dương Vương, sáp nhật đất đai Âu Lạc vào phạm vi quốc gia Nam Việt, mở đầu thời kì Bắc thuộc kéo dài hơn một ngàn năm trên đất nước ta. Trong khoảng thời gian nước ta bị phong kiến phương Bắc đô hộ đã có hàng trăm cuộc nổi dậy lớn nhỏ của nhân dân ở khắp nơi, từ miền núi, trung du tới đồng bằng, duyên hải. Đặc biệt, những năm 40 của thế kỉ VI là thời điểm có tính đột phá trong lịch sử hơn ngàn năm đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân ta, nó được đánh dấu bởi một cuộc khởi nghĩa lớn và tiếp sau đó là một thời kì độc lập tạm thời – khởi nghĩa Lý Bí (542-544).

Khởi nghĩa của Lý Bí thắng lợi đã dẫn đến sự ra đời của một Nhà nước độc lập – nhà nước Vạn Xuân. Lý Bí lên ngôi vua, đặt niên hiệu Thiên Đức khởi đầu cho vương triều Tiền Lý trong lịch sử Việt Nam. Vương triều Tiền Lý tồn tại trong khoảng thời gian 60 năm, (544-602), với 4 đời vua: Lý Nam Đế (544-548), Lý Đào Lang Vương (549-555), Triệu Việt Vương (549-571) và Hậu Lý Nam Đế (555-603).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Lý Bí năm 542

Đầu thế kỉ VI, một trong các mối bận tâm của Lương Vũ Đế là sự thiết lập quyền lực của vương triều tại vùng đất phương Nam. Mùa xuân, tháng hai, năm 505, Thứ sử Giao Châu là Lý Nguyên Khải cho là nhà Lương được nhà Tề nhường ngôi, chưa có ân uy gì, nhân đó không chịu theo nhà Lương, giữ châu làm phản[1]. Trưởng sử Lý Tắc muốn theo nhà Lương, bèn tìm cách giết Lý Nguyên Khải và vây cánh, chiếm quyền Thứ sử. Năm 516, nhà Lương xuống chiếu phong Lý Tắc làm Thứ sử Giao Châu. Tuy nhiên, tình hình Giao Châu vẫn chưa ổn định do cuộc chiến giữa Lý Tắc với dư đảng của Lý Nguyên Khải cho đến khi chém được đầu của Lý Tông Lão – cùng phe cánh với Lý Nguyên Khải thì mới yên[2].

Sau khi ổn định tình hình, năm 523, nhà Lương chia đặt lại một số đơn vị hành chính ở Giao Châu, đặt Ái Châu ở Thanh Hoá, đổi quận Cửu Đức thành Đức Châu; đặt thêm ở đây 2 châu là Lợi Châu và

[1] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 211.
[2] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 211.

Minh Châu (là vùng Nghệ An – Hà Tĩnh hiện nay). Năm 535, nhà Lương cắt vùng đất ven biển Giao Chỉ, đặt ra Hoàng Châu (vùng ven biển phía Bắc đồng bằng sông Hồng). Như vậy, ngoài Giao Châu, nước ta có thêm 5 châu[3].

Hệ thống chính trị của nhà Lương ở phương Nam dần dần được củng cố. Bằng cách mở rộng dần quyền lực về phương Nam, chia nhỏ các châu phủ cũ để thành lập thêm các châu phủ mới, tăng số lượng các quan Thứ sử, nhà Lương hi vọng quyền kiểm soát của triều đình ở những vùng xa sẽ được duy trì. Tuy nhiên, theo như nhận định của K.W. Taylor thì "trong khi bề ngoài hệ thống chính quyền mới này có vẻ làm gia tăng quyền kiểm soát của triều đình trên những châu phủ đó, nhưng thực chất chỉ đơn giản là một sự thừa nhận về sự nổi lên các trung tâm quyền lực địa phương"[4].

Vị trí của các châu không giống nhau trong hệ thống hành chính. Các châu phủ có tầm quan trọng chiến lược nhất được giao cho những người trong hoàng tộc. Năm 541, hai người cháu của Lương Vũ Đế được phong Thứ sử hai châu quan trọng nhất là Quảng Châu và Giao Châu. Các châu phủ kém quan trọng hơn được giao cho những người có địa vị thấp hơn gồm thân quyến các gia tộc quyền lực địa phương. Hậu quả của cơ cấu phân quyền này là sự xung đột quyền lợi giữa các gia tộc địa phương, giữa Thứ sử lớn với Thứ sử nhỏ. Sự bổ nhiệm một Thứ sử từ phía triều đình luôn phải cân nhắc để tránh đối đầu với một gia tộc, thực tế này luôn tiềm ẩn nguy cơ nổi loạn hay sự liên kết của các gia tộc với nhau. Bên cạnh đó, những người thuộc các gia đình danh gia vọng tộc ở địa phương thường được khuyến khích tiến thân làm quan triều đình. Tuy nhiên, quan trường không đủ chỗ để thoả mãn tham vọng của thủ lĩnh địa phương và cơ chế này tạo ra một hiểm hoạ tiềm ẩn về sự ngấm ngầm tạo dựng lực lượng để thay đổi chế độ sĩ tộc bằng cơ chế riêng do chính họ tạo ra[5]. Không ai khác, chính Lý Bí, Tinh Thiều của thế kỉ VI là một trong những chứng nhân tiêu biểu cho hiện tượng lịch sử này mà hành trạng của họ sẽ được trình bày kĩ hơn ở dưới đây.

Về mặt kinh tế, nhà Lương tìm cách thống nhất nền kinh tế đất nước bằng việc ban hành các đạo luật tiền tệ mới. Năm 522, nhà Lương đúc tiền đồng mới, hi vọng thay thế cho vàng, bạc vốn được sử dụng làm trung gian mua bán trao đổi ở vùng Quảng Châu và Giao Châu. Mặc dù vậy, sau hai thập kỉ, hai vùng Quảng Châu và Giao Châu vẫn tiếp tục sử dụng vàng và bạc trong mua bán, trao đổi hàng hoá. Keith Weller Taylor đã có một nhận định rất thuyết phục khi cho rằng "điều này không có gì đáng ngạc nhiên vì Quảng Châu và Giao Châu nằm ở bên kia vùng ngũ lĩnh, kinh tế hai châu này về mặt tự nhiên là một phần trong thế giới biển vùng Đông Nam Á"[6]. Dưới ách thống trị của nhà Lương, nhân dân ta phải chịu hàng trăm thứ thuế. Dân nghèo phải bán vợ đợ con mà nộp thuế cũng không đủ. Người nghèo đói lưu vong ngày càng nhiều. Mâu thuẫn giữa nhân dân Giao Châu và các châu khác với chính quyền đô hộ trở nên gay gắt cực độ. Giữa lúc đó thì nhà Lương lại thi hành chính sách phân biệt đẳng cấp rất khắc nghiệt. Chế độ sĩ tộc thịnh hành[7]. Hầu hết các quan lại đô hộ trước đây hay các quý tộc địa phương đều bị xem thuộc loại hàn môn, không được trọng đãi và cũng không được cất nhắc trọng dụng như xưa. Chế độ sĩ tộc đã làm gia tăng mâu thuẫn giữa bọn phong kiến cũ và mới; đặc biệt sâu sắc là mâu thuẫn giữa các quý tộc phong kiến địa phương với bọn quan lại đô hộ của nhà Lương.

Sự bất mãn của giai cấp quý tộc phong kiến bản địa bắt gặp với làn sóng căm phẫn sâu sắc của quần chúng nhân dân. Hoàn cảnh mới của nửa đầu thế kỉ VI là điều kiện thuận lợi cho những mâu thuẫn nói trên chung đúc lại, làm thành tiền đề dẫn tới một cuộc nổi dậy không thể tránh khỏi.

Vào giai đoạn cuối nửa đầu thế kỉ VI- năm 542 và 543 đã diễn ra bước đột phá lớn trong lịch sử hơn ngàn năm chống Bắc thuộc của nhân dân ta, được đánh dấu bởi một cuộc khởi nghĩa lớn và tiếp sau đó là một thời kì độc lập tạm thời. Đó chính là cuộc khởi nghĩa do Lý Bí lãnh đạo.

[3] Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Đức Nghinh, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1: trước năm 1427, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1980, tr.131.

[4] Keith Weller Taylor, *Việt Nam thời dựng nước*, bản dịch TS. Trần Hạnh Minh Phương, Trường Đại học Thủ Dầu Một (sách lưu hành nội bộ), 2016, tr. 190.

[5] Keith Weller Taylor, *Việt Nam thời dựng nước*, bản dịch TS. Trần Hạnh Minh Phương, Trường Đại học Thủ Dầu Một (sách lưu hành nội bộ), 2016, tr. 192.

[6] Keith Weller Taylor, *Việt Nam thời dựng nước*, bản dịch TS. Trần Hạnh Minh Phương, Trường Đại học Thủ Dầu Một (sách lưu hành nội bộ), 2016, tr. 190.

[7] Theo chế độ này, những người không thuộc dòng dõi quý tộc đều bị xem là hàn môn, không được bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng. Trong lúc đó, các gia đình thế phiệt gọi là "danh gia vọng tộc" chiếm hết mọi quyền hành, chèn ép người dưới. Ranh giới phân biệt giữa hàn môn và sĩ tộc rất rõ rệt: Thượng phẩm không có người nghèo, hạ phẩm không có thế tộc. Các quý tộc Hán tộc trước đây sang Giao Châu đều bị xem thuộc loại hàn môn, chịu mọi sự chèn ép, hạn chế của chế độ phân biệt đối xử này. Duy chỉ có tôn thất nhà Lương hay bà con họ hàng thân thích các quan lại cao cấp của nhà Lương mới được xem là sĩ tộc, được cất nhắc bổ dụng vào các chức vụ quan trọng.

2.2. Diễn biến cuộc khởi nghĩa năm 542

Lịch sử ghi nhận, cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Lương do Lý Bí lãnh đạo nổ ra vào năm 542 và giành được thắng lợi vang dội. Tuy nhiên, sự nghiệp của Lý Bí chắc chắn không phải tới năm 542 mới bắt đầu mà ít nhất là vài ba năm trước đó, vì vào năm 542, lực lượng của Lý Bí đã đủ mạnh để uy hiếp, bao vây và chiếm giữ châu thành Long Biên. Các sử gia khi viết *Toàn thư* trong mục *Kỉ nhà Tiền Lý* đã chép rằng: "Ở ngôi 7 năm (541-547), Vua có chí diệt giặc cứu dân, không may bị Trần Bá Tiên sang đánh chiếm, nuốt hận mà chết. Tiếc thay!" và "Tân Dậu, năm thứ 1 (541), Lương Đại Đồng năm thứ 7. Thứ sử Giao Châu là Vũ Lâm hầu Tiêu Tư, vì hà khắc tàn bạo, mất lòng người... Vua ra chiếm giữ châu thành (tức là Long Biên)"[8]. Như vậy, cho đến trước cuộc đấu tranh của Lý Bí với quân Lương xâm lược năm 542 thì lực lượng của Lý Bí đã khá đông đảo, lớn mạnh và chiếm giữ một vùng.

Lý Bí xuất thân từ một hào trưởng địa phương. Tổ tiên Lý Bí là một trong những di dân Hán chạy tới miền Nam lánh nạn do loạn Vương Mãng (khoảng năm 9-23 sau Công nguyên)[9]. Theo sử cũ, quê ông ở huyện Thái Bình. Các tác giả cuốn *Lịch sử Việt Nam*, Tập I đã giải thích về địa danh này như sau: "Theo *Việt điện u linh*, Lý Bí là người huyện Thái Bình (có lẽ ở phía trên thị xã Sơn Tây, trên hai bờ sông Hồng" và phần chú thích có nói rõ: "Cái tên này mới xuất hiện năm 712. Theo *Giả Đam kí*, từ An Nam (Tống Bình – Hà Nội) qua Giao Chỉ (Từ Liêm, Hoài Đức- Hà Nội – TTTH), Thái Bình hơn 100 dặm thì đến Phong Châu. Vậy Thái Bình thuộc đất Sơn Tây cũ (nay là ngoại thành Hà Nội)"[10].

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (sau đây sẽ ghi tắt là *Toàn thư*) trong phần *Kỉ nhà Tiền Lý*, chép vắn tắt về thân thế và sự nghiệp dấy nghĩa của Lý Bí như sau: "Vua họ Lý, tên huý là Bí, người Thái Bình, phủ Long Hưng. Tổ tiên là người đất Bắc, cuối đời Tây Hán khổ về việc đánh dẹp mới tránh sang ở đất phương Nam, được 7 đời thì thành người Nam. Vua có tài văn võ, trước làm quan với nhà Lương, gặp loạn trở về Thái Bình. Bấy giờ bọn thú lệnh tàn bạo hà khắc, Lâm Ấp cướp phá ngoài bên, vua dấy binh đánh đuổi được, xưng là Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên"[11].

Theo *Lý Nam Đế ngọc phả cổ truyền* hiện được lưu giữ tại đình Giang Xá, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thì Lý Bí sinh ngày 12 tháng 9 năm Quý Mùi trong một gia đình Trưởng bộ[12] (họ là Lý, tên huý là Toản) lấy vợ người Ái Châu (sau này đổi thành Thanh Hoa) họ Lê, tên huý là Oanh). Ông họ Lý này thuộc gia tộc đời đời tích âm đức, tu nhân làm phúc; thường phù nguy, trợ giúp người yếu đuối, cứu người nghèo khổ, nuôi người già cả, tấm lòng độ lượng như biển cả ở tại đất châu Dã Năng, xứ Kinh Bắc. Năm ấy, ông chồng đã ở tuổi ngoài 40, bà vợ cũng hơn 30. Một hôm bà vợ nằm chơi ở sân, ngủ thiếp lúc nào không hay. Bỗng khi ấy, trời đất tối sầm, trên trời cao trong đám mây ngũ sắc có một đôi rồng đang tranh nhau mặt trời, bỗng nhiên mặt trời sa xuống, rơi đúng vào miệng bà. Tỉnh lại, biết đó chỉ là giấc mộng, bà đem kể lại với chồng. Lý Toán bèn nói với vợ rằng: Nếu đúng như điềm mộng ấy thì nhà ta được phúc lớn lắm. Trời giáng người tài, đất sinh bậc tuấn kiệt, chắc chắn là thế! Quả như vậy, vào ngày 12 tháng 9 năm Quý Mùi, vào giờ Thìn, bà Lê Oanh sinh hạ được một người con trai. Đứa trẻ có thần thái lẫm liệt, thế mạo kì dị: Lông mày như lông mày vua Nghiêu, đôi mắt như đôi mắt vua Thuấn, lưng như lưng vua Vũ, vai như vai vua Thang. Đứa trẻ hẳn không phải là người tầm thường! Lại nói trong lúc bà sinh nở thì sấm chớp ầm ầm, mây đen kéo đến, trời tối mù mịt, mưa to đổ xuống, hương thơm từ trên trời toả xuống lan sực nức cả sinh phòng. Khí lành phảng phất khắp gian phòng của bà. Thời gian thấm thoắt trôi, đứa bé tròn 3 tuổi. Mọi thứ âm luật đều thấu hiểu cả. Ông bà bèn đặt tên cho con là Bí[13].

Điểm qua ba tài liệu cho chúng ta ba thông tin khác nhau về quê hương của Lý Bí: huyện Thái Bình thuộc đất Sơn Tây cũ, Thái Bình thuộc phủ Long Hưng và châu Dã Năng xứ Kinh Bắc. PGS.TS Nguyễn Minh Tường (Viện Sử học) đã có khảo cứu công phu và tỉ mỉ những ghi chép từ cổ sử và nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước về quê hương của Lý Nam Đế và đi đến nhận định: Việc xác

[8] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 212-213.
[9] Keith Weller Taylor, *Việt Nam thời dựng nước*, bản dịch TS. Trần Hạnh Minh Phương, Trường Đại học Thủ Dầu Một (sách lưu hành nội bộ), 2016, tr. 193.
[10] Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1971, tr. 404 - 405.
[11] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 212.
[12] Nguyên văn Bộ trưởng..., tức người đứng đầu một bộ ngũ (đơn vị quân đội) của triều đại phong kiến Trung Quốc. Vì thế sử cũ của ta chép : " vua (Lý Nam Đế) vốn nhà Hào trưởng, thiên tư lỗi lạc, làm quan (với nhà Lương) không được vừa ý". Xem thêm: Huyện uỷ, HĐND, UBNH huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên - Hội khoa học Lịch sử Việt Nam, *Một số vấn đề về vương triều Tiền Lý và quê hương của vua Lý Nam Đế*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013, tr. 306-307.
[13] Chữ Bí .... còn có thể đọc là Bôn, vì thế sử cũ chép Lý Bí hoặc Lý Bôn.

định đâu là quê hương đích thực của Lý Nam Đế là trách nhiệm của giới sử học Việt Nam, đã đến lúc cần phải "trả" đức vua Lý Nam Đế về với quê hương đích thực của người là thôn Cổ Pháp, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Đất tỉnh Thái Bình ngày nay có nhiều di tích lịch sử gắn với vua Lý Nam Đế, nhưng đó chỉ là những di tích liên quan đến cuộc chiến sự dưới thời Tiền Lý. Tương tự như vậy, huyện Thái Bình thuộc Hà Tây cũ gắn với thời kì Lý Nam Đế từng tu hành ở chùa Linh Bảo (hay chùa Giang Xá) trong 10 năm rồi mới ra làm quan cho nhà Lương. Sau vì bất đắc chí, vua lại về Thái Bình để phất cờ khởi nghĩa. Sử cũ của nước ta đã nhầm giữa nơi Lý Nam Đế khởi nghĩa với quê hương của ông[14].

Như vậy, vốn xuất thân từ một hào trưởng địa phương, có thời kì Lý Bí ra làm quan với chính quyền đô hộ và nhận một chức quan nhỏ: Giám quân (kiểm soát quân sự) ở Cửu Đức, Đức Châu (Đức Thọ, Hà Tĩnh). Yêu nước, thương dân, bất bình với bè lũ đô hộ nên Lý Bí sớm bỏ quan trường, quay về với vùng đất Thái Bình (Sơn Tây, Hà Nội) – nơi ông từng có thời kì tu hành ở chùa Giang Xá. *Toàn thư* chép về sự việc này như sau: "Vua (Lý Bí – TTTH) vốn con nhà hào trưởng, thiên tư lỗi lạc, làm quan không được vừa ý"[15]. Truyền thuyết vùng Bình Xuyên, Yên Lãng (Vĩnh Phúc ngày nay) thì cho rằng Lý Bí là người tài trí, bị thứ sử Tiêu Tư nghi ngờ nên phải đi trốn. Ông về trại Diễn Táo thuộc Yên Lãng để nương náu. Tại đây, ông đã gặp Triệu Quang Phục đang ở với bác là Triệu Quang Thành ở chùa Diễn Táo, Quang Phục đã đi theo Lý Bí. Ở Diễn Táo, Lý Bí được các phụ lão trong vùng cùng nhân dân hết sức bảo vệ, ủng hộ và cung dưỡng chu đáo. Sau này khi khởi nghĩa thành công, Lý Bí lên làm vua đã đối xử rất hậu với dân Đông Lỗ, Diễn Táo. Tuy nhiên, những ghi chép của chính sử về diễn biến tiếp theo trong hành trạng của Lý Bí cũng như tiến trình của cuộc khởi nghĩa cho thấy dường như vùng Giang Xá (Sơn Tây, Hà Nội) hợp lí hơn so với Diễn Táo.

Vào thời gian này, miền đất nước ta bao gồm các châu: Giao, Hoàng (Bắc Bộ ngày nay, Ái (Thanh Hoá), Đức, Lợi, Minh (Nghệ Tĩnh). Miền Bắc Bộ của nước ta có tên gọi Giao Châu, dưới quyền cai trị của Vũ Lâm hầu Tiêu Tư. Tiêu Tư vốn là tôn thất của nhà Lương, là một tên quan tham bạo, kiên trì chế độ sĩ tộc, lại những nhiễu nhân dân quá mức, khiến trăm họ ai oán, khổ sở. Chính sử Trung Quốc (*Lương thư, Trần thư*) cũng phải thừa nhận rằng Tiêu Tư là một kẻ " tàn bạo, mất lòng dân"[16]. Tướng nhà Lương là Trần Bá Tiên khi đem quân đi đàn áp phong trào nổi dậy của dân nghèo ở phương Nam cũng phải thừa nhận nguyên nhân của các cuộc "phản loạn" ở đây là do "tội ác của các tôn thất", trong đó có quan Thứ sử. Không chịu nổi ách thống trị, bóc lột của chính quyền Tiêu Tư, nhân dân Giao Châu đã theo về với Lý Bí.

Tháng chạp năm Đại Đồng thứ 7 tức tháng 1 năm 542, Lý Bí nhân lòng oán hận của nhân dân và các hào trưởng người Việt đối với chính quyền đô hộ đã tập hợp các bậc anh hùng hào kiệt khắp nơi, tiến ra chiếm giữ châu thành Long Biên.

Sử cũ không chép rõ Lý Bí đã chiếm các quận huyện, đánh đuổi bọn quan lại phương bắc như thế nào. Chỉ biết rằng đó là cuộc khởi nghĩa rộng lớn, liên kết được đông đảo các hào kiệt và dân chúng các châu, nhanh chóng giành thắng lợi. Lý Bí không gặp phải sức kháng cự mạnh mẽ nào của bọn quan lại đô hộ. Trước sức mạnh của đội quân này, thứ sử Tiêu Tư "đem của cải đến hối lộ cho vua rồi chạy về Quảng Châu". Chính quyền đô hộ ở Giao Châu lúc này như rắn mất đầu, nhanh chóng tan rã và hoàn toàn sụp đổ. Không quá ba tháng, bè lũ đô hộ đã bị quét sạch trước khí thế tiến công và nổi dậy khắp nơi của nhân dân ta. Nghĩa quân lập tức chiếm châu thành Long Biên và mở rộng vùng kiểm soát.

Sử chép tù trưởng Chu Diên[17] là Triệu Túc và con là Triệu Quang Phục vì phục tài đức của Lý Bí, đã ngay lập tức đem quân theo về trước tiên[18].

Phạm Tu cũng là một tướng tài sớm đến với Lý Bí ngay từ buổi đầu khởi nghĩa. Đền thờ ông được đặt tại Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Truyền thuyết ở làng Giá (làng Yên Sở, thuộc huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội ngày nay) cho rằng Phạm Tu chính là Lý Phục Man. Các sách như *Toàn thư, Việt điện u*

[14] Nguyễn Minh Tường, *Vấn đề quê hương của Lý Nam Đế - một nghiên cứu lịch sử cần được làm sáng tỏ*, in trong tập Một số vấn đề về vương triều Tiền Lý và quê hương của vua Lý Nam Đế, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013, tr. 50-71.

[15] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 212.

[16] Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1971, tr. 406.

[17] Chu Diên: Theo *Đại Việt sử kí toàn thư,* tập I, Nxb KHXH bản in năm 2009 thì huyện Chu Diên thời Lương, Tuỳ là phần đất tương đương với tỉnh Hải Dương, huyện trị có thể ở vào khoảng huyện Phả Lại. Tập thể tác giả cuốn *Lịch sử Việt Nam* (tập 1, bộ 4 tập) do GS Phan Huy Lê chủ biên, Nxb Giáo dục Việt Nam xuất bản năm 2012 thì cho rằng Chu Diên là vùng đất thuộc lưu vực sông Đáy và mở sang cả sông Hồng, bao gồm khu vực Hà Nội, Hà Nam hiện nay.

[18] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 179.

linh, Đại Nam nhất thống chí và thần tích, bi kí, truyền thuyết ở làng Giá đều phản ánh Phạm Tu đã cùng dân làng tham gia cuộc khởi nghĩa, giải phóng đất nước. Truyền thuyết ở làng Giá cho hay: Phạm Tu về sau có công "phục man"được ban quốc tính họ Lý nên gọi là Lý Phục Man.Về sau nhân dân làng Giá mở hội Giá để nhớ lại sự kiện đó. Lễ "Niệm quân" của ngày hội ấy cho thấy không phải chỉ có Phạm Tu tham gia cuộc khởi nghĩa mà đông đảo dân làng Giá thời đó đã vùng dậy, cùng người anh hùng của quê hương góp công góp sức tạo nên thắng lợi của sự nghiệp khởi nghĩa do Lý Bí lãnh đạo. Sau này khi lên ngôi, Lý Bí đánh giá rất cao công lao của Phạm Tu và gả con gái cho ông.

Tham gia trong hàng ngũ bộ chỉ huy nghĩa quân còn có Tinh Thiều – vốn là người giỏi văn chương và từng lặn lội sang kinh đô nhà Lương ở Nam Kinh xin bổ một chức quan (trước năm 521)[19]. Tuy nhiên, do chính sách phân biệt tôn ti chặt chẽ giữa quý tộc danh gia vọng tộc và quý tộc bình dân nên Tinh Thiều chỉ được ban một chức vụ nhỏ - Quảng Dương môn lang, tức là chân canh cổng thành phía tây kinh đô Kiến Khang. Tinh Thiều lấy thế làm xấu hổ, không nhận chức, bỏ về và cùng Lý Bí khởi sự việc lớn. Sử cũ chép: "Lại có người là Tinh Thiều, giỏi từ chương từng đến kinh đô nhà Lương xin được chọn làm quan. Thượng thư bộ Lại nhà Lương là Sái Tôn cho rằng họ Tinh trước không có ai hiển đạt, nên chỉ bổ cho chức Quảng Dương môn lang. Thiều lấy làm nhục, trở về làng, theo vua (Lý Bí) mưu việc dấy binh"[20].

Về Lý Phục Man, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam từ khởi nguồn cho đến thế kỉ 938* cho biết vài nét sơ lược về thân thế và hành trạng của ông như sau: " Ông không rõ họ tên thật, quê ở làng Cổ Sở. Tương truyền, ông giỏi võ nghệ, thạo cưỡi ngựa, bắn cung, có sức mạnh to lớn. Năm 541, Lý Bí phát động cuộc khởi nghĩa chống chính quyền đô hộ Lương, ông tích cực hưởng ứng, lập được nhiều chiến công"[21].

Thông tin từ chính sử cho thấy, cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Lý Bí không chỉ giới hạn trong phạm vi Giao Châu mà nhanh chóng lan rộng khắp nơi, tới Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu (vùng Thanh – Nghệ -Tĩnh). Lý Bí đã mở rộng sự liên kết với hào kiệt và lực lượng của họ ở các châu trên miền đất của Âu Lạc cũ, bao gồm toàn khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ những chi tiết này, phần nào có thể hình dung quy mô rộng lớn của cuộc khởi nghĩa cũng như khả năng tổ chức, xây dựng lực lượng và phát động đấu tranh vũ trang của Lý Bí – vị anh hùng dân tộc kiệt xuất trong thế kỉ VI.

Thời kì ngắn ngủi sau khi giành được độc lập (khoảng từ tháng 4 đến tháng12 năm 542) không rõ Lý Bí đã thực thi những biện pháp nào để củng cố và phát triển quyền tự chủ. Sử cũ có khuynh hướng tập trung trình bày về cuộc đối đầu giữa đội quân của Lý Bí với quân Lương xâm lược vào cuối năm 542 đầu năm 543 mà bỏ qua thời kì đầu giành và giữ quyền tự chủ trước đó của Lý Bí. Nhưng chắc chắn rằng, các bộ tướng thân cận như Tinh Thiều, Triệu Túc, Triệu Quang Phục đã cùng Lý Bí nhanh chóng triển khai các biện pháp quản lí đất nước.

Khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, nhà Lương đã tập trung lực lượng để đối phó. Tháng 4 năm 542, vua Lương sai Thứ sử Việt Châu là Trần Hầu, Thứ sử La Châu là Ninh Cự, Thứ sử An Châu là Lý Trí, Thứ sử Ái Châu là Nguyễn Hán từ hai phía Nam và Bắc của Giao Châu cùng tiến đánh đội quân của Lý Bí. Sử sách không ghi chép chi tiết về cuộc phản công của nhà Lương và cuộc chiến đấu của quân khởi nghĩa, song điều chắc chắn là cuộc phản công đó đã hoàn toàn thất bại bởi vì nhà Lương đã phải tổ chức một cuộc phản công lần thứ hai vào đầu năm 543. Thế áp đảo thuộc về quân khởi nghĩa là bởi lực lượng của Lý Bí ngay từ đầu đã là sự hội tụ, liên kết giữa các địa phương nên thừa sức chống trả cuộc phản kích của giặc Lương và giành thắng lợi.

Cay cú với thất bại, vua Lương ra lệnh cho Thứ sử Giao Châu là Tôn Quýnh, Thứ sử Tân Châu là Lư Tử Hùng điều động binh mã và một lần nữa cầm quân tiến sang Giao Châu để tiêu diệt nghĩa quân của Lý Bí. Sau những dùng dằng, thoái thác không kết quả, hai viên Thứ sử buộc phải xuất quân vào cuối năm 542 đầu năm 543. *Toàn thư* chép: "Nhâm Tuất, năm thứ 2 [542] (Lương Đại Đồng năm thứ 8). Mùa đông, tháng 12, Lương Đế sai Tôn Quýnh và Lư Tử Hùng sang xâm chiếm"[22]. Chủ động đánh giặc, Lý Bí đã bày quân mai phục, thực hiện một trận tiêu diệt lớn ở vùng cực bắc của Giao Châu. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt ở Hợp Phố. Phần lớn quân Lương rơi

[19] Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1971, tr. 405.

[20] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 213.

[21] Vũ văn Quân (chủ biên), *Từ điển lịch sử Việt Nam (từ khởi nguồn đến 938)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.

[22] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 213.

vào trận địa phục kích của quân khởi nghĩa và bị tiêu diệt. Tôn Quýnh và Lư Tử Hùng đại bại, dẫn tàn quân chạy về Quảng Châu.

Tiêu Tư dâng sớ về triều đình nhà Lương, vu cho Tôn Quýnh, Lư Tử Hùng dùng dằng không tiến quân. Thấy quân lính bị thiệt hại nhiều, tức tối vì không tiêu diệt được Lý Bí, Lương Vũ Đế xuống chiếu bắt cả hai viên tướng cầm đầu phải chết ở Quảng Châu. Sự kiện này được ghi lại rất rõ trong *Toàn thư*: "Quýnh lấy cớ là chướng khí mùa xuân đang bốc, xin đợi đến mùa thu. Bấy giờ Thứ sử Quảng Châu là Tân Dụ hầu Hoán không cho, Vũ Lâm hầu cũng thúc giục. Bọn Tử Hùng đi đến Hợp Phố, 10 phần chết đến 6,7 phần, quân tan rã mà về. Tiêu Tư tâu vu với vua Lương rằng Quýnh và Tử Hùng dùng dằng không chịu đi, đều bị buộc phải tự tử"[23].

Như vậy, từ năm 542 đến năm 543, lực lượng khởi nghĩa của Lý Bí đã lớn mạnh và trải qua ít nhất ba lần thử sức với nhà Lương. Lần đầu vào tháng 1 năm 542, đối đầu trực tiếp với đội quân thường trú của chính quyền đô hộ và kết quả là ở thế áp đảo, giành và giữ quyền tự chủ tại châu thành Long Biên. Lần thứ hai vào tháng 4 năm 542, lần thứ 3 vào cuối năm 542 đầu năm 543 dưới sự chỉ huy của Lý Bí, sự đồng tâm hiệp sức của các tướng tài như Phạm Tu, Triệu Túc, Tinh Thiều... đội quân khởi nghĩa của Lý Bí lại lập chiến công trước một một lực lượng quân xâm lược hùng hậu về quân số nhưng thiếu tinh thần ý chí chiến đấu. Cộng thêm yếu tố bất lợi về khí hậu, dịch bệnh mà đội quân xâm lược của nhà Lương dù có binh hùng, tướng mạnh cũng đã nhanh chóng tan rã, buộc phải rút quân về nước.

3. Một số kết luận

Cuộc khởi nghĩa do Lý Bí lãnh đạo và lập ra nhà nước Vạn Xuân có ý nghĩa đặc biệt trong lịch sử Việt Nam. Đây là cuộc khởi nghĩa lớn thời kỳ chống Bắc thuộc. Lý Bí cũng là vị vua đầu tiên xưng đế biểu hiện cho tinh thần tự tôn dân tộc và ý thức tự cường, tự chủ cao độ. Bên cạnh thái độ bạo ngược của chính quyền đô hộ nhà Lương như một nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự nổi dậy giành chính quyền của Lý Bí, thì cũng cần phải nhận diện một số điểm nổi bật trong thực trạng xã hội từ đầu Công nguyên cho tới thời điểm diễn ra cuộc khởi nghĩa của Lý Bí so với các cuộc nổi dậy đấu tranh giành độc lập sau này của nhân dân ta. Qua đó, phần nào làm rõ thái độ và vai trò của tầng lớp quý tộc cũ, mới trong việc tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống ách áp bức, bóc lột của đô hộ ngoại bang giành lại độc lập cho đất nước.

Thứ nhất, đó là làn sóng di dân liên tục từ đầu Công nguyên và việc mở rộng thêm nền cai trị của Trung Quốc đã dẫn đến nhu cầu phải đẩy mạnh việc khai thác kinh tế và chiêu mộ quan chức địa phương, tuyển mộ đội dân quân vũ trang huấn luyện theo kiểu Trung Quốc. Dần dần, một tầng lớp quan chức cấp thấp và nhân viên giúp việc xuất hiện với con số ngày càng gia tăng. Các thái thú phổ biến việc sử dụng cày sắt và Nho giáo; lấn chiếm đất đai của các Lạc tướng... Chính sách đẩy mạnh khai thác kinh tế và củng cố quyền lực chính trị của các thái thú với xu hướng thay thế chế độ bảo hộ bằng một nền cai trị trực tiếp đã đụng chạm tới uy quyền của hàng ngũ quý tộc Âu Lạc cũ, do đó chính họ chứ không phải ai khác đã tập hợp nhân dân bị áp bức, bóc lột nổi dậy đấu tranh ngay từ những thập kỉ đầu Công nguyên mà cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng là một dấu mốc lịch sử quan trọng.

Thứ hai, xét về nguyên nhân, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng là sự bột phát cuối cùng của hàng quý tộc Âu Lạc cũ. "Tuy nhiên, cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng đã thành công trong việc lôi cuốn người dân và mang một ý nghĩa chính trị sâu sắc. Đây không chỉ là cuộc nổi dậy mang tính phong kiến mà là một cuộc khởi nghĩa của nhân dân dưới sự lãnh đạo của hàng ngũ quý tộc, chống lại sự đô hộ của ngoại bang. Cuộc nổi dậy mở đầu cho cuộc đấu tranh giành độc lập, một cuộc đấu tranh lâu dài và qua vô vàn thử thách, nhưng đã kết thúc trong toàn thắng vào thế kỉ X"[24]. Khởi nghĩa của Hai Bà như khúc dạo đầu cho nhiều cuộc nổi dậy khác, biểu lộ ý chí của dân tộc muốn làm chủ vận mệnh của mình, bất chấp mọi thử thách.

Thứ ba, từ sau khi Mã Viện hoàn thành công cuộc tiêu diệt chính quyền của Hai Bà Trưng, bình định đất Giao Chỉ, thì các cuộc cải tổ do Mã Viện tiến hành đã thực sự mở ra một giai đoạn mới trong lịch

[23] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 213. Sự kiện này, trong *Đại Việt sử kí toàn thư* chép là vào tháng 12 năm 542. Tuy nhiên, các tác giả Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh của cuốn *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1981 đều cho rằng quân Lương xuất quân vào tháng 1 năm 543. Đây đồng thời cũng là quan điểm của tập thể tác giả Viện Sử học Việt Nam trong cuốn *Việt Nam những sự kiện lịch sử (Từ khởi thuỷ đến 1858)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 33.

[24] Lê Thành Khôi, *Lịch sử VN từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX, Nxb Nhã Nam*, Hà Nội 2014, tr. 103.

sử Việt Nam. Chế độ cai trị trực tiếp của Trung Quốc trở nên khắt khe hơn, các thái thú hoàn toàn quản lí và điều hành Giao Chỉ theo ý của mình. Ngay trong thời Đông Hán, sử sách của Trung Quốc đã ghi rằng: "Ở đất Giao Chỉ, thứ sử trước sau phần lớn không thanh liêm, trên bợ đỡ kẻ quyền quý, dưới thì thu vét của cải của dân, đến khi đầy túi thì xin dời đổi. Chu Thặng thứ sử Giao Châu đã tâu với vua nhà Hán: Giao Châu ở nơi xa cách, quan lại tập tục tham ô, làm đủ điều gian trá, trưởng sử tha hồ bạo ngược, bóc lột muôn dân"[25]. Nhà Hán cho đào kênh, làm đường, xây dựng thành quách có lính Trung Quốc canh giữ tại những điểm chiến lược quan trọng, phân chia lại một số đơn vị hành chính có quy mô lớn để ngăn chặn sự nổi dậy của quý tộc bản địa... Thành phần được hưởng lợi từ việc làm này là tầng lớp quý tộc quan chức, các nông dân người Hoa tới định cư từ trước và đã được Việt hoá dần dần. Hàng quý tộc cũ, người thì tử trận, kẻ thì chạy trốn; những người còn lại bị giáng chức, hàng trăm gia đình bị đày tới miền Nam Trung Quốc. Những người đứng đầu địa phương ngày càng bị lệ thuộc vào chính quyền trung ương, phải hoà nhập vào số các quan chức và những người Trung Quốc di thực để làm thành một thứ quý tộc địa phương hỗn hợp. Các thủ lĩnh sau này của phong trào đấu tranh chống Bắc thuộc như Lý Bí, Lý Phật Tử xuất thân từ tầng lớp quý tộc mới này.

Thứ tư, một thời gian dài bị đô hộ ngoại bang chiếm đóng và áp đặt chính sách cai trị, bóc lột về kinh tế và đồng hoá về văn hoá đã tác động không nhỏ đến cơ cấu kinh tế xã hội cổ truyền của người Việt, nhưng chính trong hoàn cảnh như vậy, những điều kiện cho việc thành lập một quốc gia dân tộc vẫn xuất hiện và ngày một chín muồi. Trong canh tác nông nghiệp, việc phổ biến và sử dụng rộng rãi lưỡi cày bằng sắt đã làm tăng sản lượng và diện tích cây lúa, tạo thuận lợi cho gia tăng dân số như lực lượng sản xuất chính và đối tượng thu thuế của nhà nước. Phật giáo và Nho giáo ngày càng ăn sâu bén rễ trong đời sống xã hội, tạo nên một tầng lớp tinh hoa, có học vấn, có nhận thức chính trị rõ ràng. Ngược lại với ý đồ và tham vọng của chính quyền ngoại bang, chính chính sách cai trị, áp bức của chúng đã không ngừng làm gia tăng ý chí phản kháng trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam; ý thức dân tộc của nhân dân ta được nuôi dưỡng, ngày càng trưởng thành. Cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng năm 40 với "Đô kì đóng cõi Mê Linh, Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta", rồi đến thế kỉ VI sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa, Lý Bí tự xưng là Hoàng đế, lập ra nước Vạn Xuân (năm 544) là những nấc thang quan trọng dẫn tới sự phục hưng quốc thống, thành lập quốc gia dân tộc vào thế kỉ X.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa của Lý Bí thắng lợi đã giải phóng được đất nước, ổn định bờ cõi quốc gia ở hai mặt Bắc, Nam. Đây là cuộc khởi nghĩa toàn dân, xuất phát từ một địa phương và nhanh chóng phát triển rộng ra cả nước, giành được thắng lợi, giành được quyền độc lập tự chủ. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Lý Bí ở thế kỉ VI là một sự đột phá lớn trong lịch sử hơn nghìn năm chống Bắc thuộc của nhân dân ta, là sự phát huy ở mức cao truyền thống đấu tranh giành độc lập mà Hai Bà Trưng đã khơi nguồn trước đó.

[25] Dẫn theo: Trương Hữu Quýnh (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 70.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009;

2. Phan Huy Lê (chủ biên) *Lịch sử Việt Nam* (tập 1, bộ 4 tập), Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012;

3. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1971;

4. Huyện uỷ, HĐND, UBNH huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên - Hội khoa học Lịch sử Việt Nam, *Một số vấn đề về vương triều Tiền Lý và quê hương của vua Lý Nam Đế*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013;

5. Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX, Nxb Nhã Nam*, Hà Nội 2014;

6. Vũ văn Quân (chủ biên), *Từ điển lịch sử Việt Nam (từ khởi nguồn đến 938)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015;

7. Keith Weller Taylor, *Việt Nam thời dựng nước*, bản dịch TS. Trần Hạnh Minh Phương, Trường Đại học Thủ Dầu Một (sách lưu hành nội bộ), 2016, tr. 191;

8. Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Đức Nghinh, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1: trước năm 1427, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1980;

9. Viện Sử học Việt Nam, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (Từ khởi thuỷ đến 1858)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.

Ly Bi and the revolt in 542

Tran Thi Thai Ha

Article info

Recieved:
20/02/2019
Accepted:
10/3/2019

Keywords:
Ly Bi; Ly Nam De; anti-North; Van Xuan water.

Abstract

The revolt led by Ly Bi is an important milestone in the struggle of the people of our Northern domination. The revolt of the victory and the state of Van Xuan was established with special significance in the history of Vietnam. The article reviews the historical context in which the revolt took place, and from reliable sources of information that build the panorama of the uprising. On that basis, the author of the article gives an explanation and analyzes the causes leading to the revolt as well as assessing the position of Van Xuan revolt and state in Vietnamese history.